

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ ba, ngày 14 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường rung lắc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/4/2020		•	
Tuần 13/4-17/4/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ phiên sáng, VN-Index tiếp tục duy trì nhịp tăng điểm tích cực nhờ đà tăng của VPB, SAB, FPT, POW, BHN. Tuy nhiên, sự rung lắc đến từ áp lực bán xuất hiện tại các mã VCB, GAS, VJC cuối phiên sáng đã nhanh chóng kéo chỉ số xuống dưới mốc tham chiếu. VN-Index vận động tiêu cực trong phần lớn thời gian của phiên chiều trước khi bật tăng trở lại. Sự hồi phục mạnh mẽ của MSN, VPB, GVR đã tác động tích cực đến thị trường. Nhịp rung lắc của chỉ số diễn ra trong bối cảnh TTCK Mỹ cũng ghi nhận nhịp điều chỉnh trong phiên hôm qua. Trong bối cảnh KQKD quý I của các doanh nghiệp sẽ được công bố trong tuần này, nhà đầu tư có thể cân nhắc các cổ phiếu được dự báo có KQKD tốt và đã điều chỉnh sâu trong thời gian qua.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 685 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_2.8%

Phân tích kỹ thuật: VGI_ Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **1.62 điểm**, đóng cửa 767.41. HNX-Index **-0.01 điểm**, đóng cửa 107.15.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+4.99%); VPB (+6.77%); GVR (+6.40%); VHM (+1.04%); FPT (+6.45%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.27%); BID (-1.75%); GAS (-1.47%); VJC (-2.51%); CTG (-2.04%)**.
- Giá trị khốp lệnh của VN-Index đạt **3,353 tỷ đồng**, +10% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 15.68 điểm. Thị trường có 167 mã tăng, 68 mã giảm, 191 mã tham chiếu.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **247.64 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (83.57 tỷ), HDB (18.71 tỷ) và VPB (16.82 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **22.90 tỷ đồng**.

VN-INDEX

767.41

Giá trị: 3353.89 tỷ

1.62 (0.21%)

Khối ngoại (ròng): -247.64 tỷ

HNX-INDEX

107.15

Giá trị: 479.95 tỷ

-0.01 (-0.01%)

Khối ngoại (ròng): -22.9 tỷ

UPCOM-INDEX

50.78

Giá trị: 234.49 tỷ

-0.08 (-0.16%)

Khối ngoại (ròng): -10.96 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	22.0	-2.05%
Giá vàng	1,721	0.33%
Tỷ giá USD/VND	23,436	#DIV/0!
Tỷ giá EUR/VND	25,606	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,855	0.48%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	12.81%
LS TPCP 5 năm	2.6%	0.96%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	24.8	VIC	-83.6
VRE	24.3	HDB	-18.7
MSN	7.4	VPB	-16.8
E1VFN30	7.1	DMC	-15.1
HCM	4.3	BID	-13.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_2.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Độ lệch chuẩn
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm (ước tính)	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/21 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
Lãi suất giảm	2.8%	3.6%	-2.5%	-18.5%	-26.0%		5.3%	19.1%
Stay-at-home	2.0%	1.6%	-6.5%				1.5%	22.0%
Hàng tiêu dùng	2.0%	5.3%	1.6%	-18.6%	-29.4%	-22.6%	22.1%	15.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.8%	3.1%	1.8%	-16.7%			-1.0%	17.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.8%	2.3%	2.8%	-10.4%	-10.0%		22.1%	15.5%
VN Diamond	1.6%	2.6%	-4.3%	-20.8%			1.5%	22.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.2%	2.6%	-4.1%	-20.5%	-27.2%		-1.0%	17.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.1%	7.4%	5.3%	-15.7%	-20.8%	-31.5%	1.3%	22.5%
Chiến tranh thương mại	1.1%	6.9%	3.7%	-21.4%	-25.9%		-1.0%	17.3%
Corona Avengers	0.9%	9.9%	11.4%				22.1%	15.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.8%	2.9%	3.3%	-16.8%	-20.8%		1.5%	22.0%
VN FinSelect	0.7%	1.4%	-6.1%	-17.8%			1.5%	22.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	1.2%	-5.2%	-23.1%	-25.5%	-19.3%	1.5%	22.0%
Vật liệu Xây dựng	0.7%	3.3%	1.5%	-16.4%	-21.8%		1.5%	22.0%
FTSE Việt Nam	0.3%	2.6%	1.5%	-16.6%			22.1%	15.5%
Nước & Năng lượng	0.3%	3.4%	7.4%	-16.5%	-21.9%		1.5%	22.0%
Cổ phiếu ngành Dược	0.1%	3.8%	5.0%				-1.0%	17.3%
Ngân Hàng	0.0%	0.4%	-5.7%	-16.5%	-17.8%	-11.7%	1.5%	22.0%
Xây dựng	-0.6%	1.2%	1.4%	-19.0%	-32.9%		1.5%	22.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.7%	3.3%	-4.4%	-19.2%	-24.0%	-23.0%	1.3%	22.5%
Dầu khí	-1.6%	5.2%	5.3%	-32.7%	-36.1%		22.1%	15.5%

Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
L32	1.3%	3.7%	2.2%	-24.4%	-26.7%	-28.5%	50.7%	20.9%
M22	0.9%	3.2%	-0.3%	-16.4%	-20.5%	-6.7%	37.4%	18.7%
L22	0.7%	2.3%	0.6%	-21.9%	-26.9%	-27.5%	28.4%	19.4%
M12	0.7%	2.1%	-1.1%	-16.1%	-21.5%	-22.1%	48.0%	19.9%
S32	0.5%	4.0%	-1.2%	-23.6%	-29.2%	-19.8%	21.7%	22.0%
S21	0.1%	2.6%	0.0%	-19.3%	-22.0%	-10.7%	21.4%	19.7%
L11	-0.1%	1.6%	-2.3%	-19.7%	-24.1%	-11.8%	18.8%	17.1%
S11	-0.2%	3.6%	0.7%	-13.3%	-15.7%	-9.0%	36.7%	18.6%
M31	-0.3%	1.4%	-1.1%	-19.6%	-24.0%	-15.1%	19.6%	20.6%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
MID1	1.5%	3.8%	2.9%	-13.1%	-20.7%	-10.0%	21.4%	17.2%
HIGH3	1.1%	2.2%	-0.5%	-15.1%	-19.7%	-3.2%	61.9%	18.7%
LOW1	0.4%	2.6%	1.0%	-15.8%	-19.5%	-18.4%	17.9%	16.9%

INDEX								
VNINDEX	0.2%	2.8%	0.7%	-19.1%	-22.3%	-21.8%	6.2%	16.7%
VN30INDEX	1.1%	2.9%	-0.4%	-17.5%	-21.8%	-20.1%	2.5%	17.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	1 ngày		1 tuần		1 tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	21	16	5	12	9	13	8
Mục tiêu	9	9	0	6	3	3	6
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

VGI_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: VGI đang nằm trong nhịp hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 18.8. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với thấy nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dài mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. VGI nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng giá 30 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 25-25.5 và chốt lãi ngắn hạn tại vùng giá 30. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 22.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 14/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 14/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	22.86	2.01%	-12.35%	-28.50%	-62.79%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	32.29	1.73%	-2.30%	-8.30%	-53.35%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	72.85	3.58%	3.83%	-20.70%	-61.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1724.65	0.54%	4.67%	12.70%	34.10%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.56	0.94%	3.58%	5.70%	3.14%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	862.25	0.00%	0.12%	-0.40%	-10.16%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	555.00	-0.09%	0.73%	9.50%	7.56%		AFX
Sữa	USD /cwt	12.00	-1.07%	-13.04%	-24.90%	-26.24%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	150.90	-0.59%	1.41%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.29	-1.91%	-0.39%	-16.00%	-27.69%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	120.60	0.71%	3.52%	5.90%	11.93%	CTP, DLG	VCF, CTP
Thép	CNY/ton	3394.00	0.18%	5.57%	-3.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Quặng sắt	USD/ton	604.00	0.75%	6.53%	-3.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	59.40	0.00%	-4.96%	-8.70%	-32.81%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 26 US cent, hay 0.8% lên 31.74 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 35 US cent xuống 22.41 USD/thùng.
- Tổ chức OPEC+, gồm OPEC và các nhà sản xuất khác đã đồng ý cắt giảm sản lượng 9.7 triệu thùng/ngày trong tháng 5 và tháng 6, hay khoảng 10% tổng nguồn cung toàn cầu. Saudi Arabia, Kuwait và UAE đã tình nguyện cắt giảm nhiều hơn so với thỏa thuận, đưa lượng cắt giảm của OPEC+ lên 12.5 triệu thùng/ngày so với mức hiện nay.
- Bộ trưởng Năng lượng Saudi Arabia thái tử Abdulaziz bin Salman cho biết các quốc gia trong tổ chức G20 đã cam kết cắt giảm khoảng 3.7 triệu thùng/ngày và việc mua cho kho dự trữ chiến lược sẽ đạt khoảng 200 triệu thùng trong vài tháng tới, đưa tổng lượng dầu cắt giảm lên khoảng 19.5 triệu thùng/ngày.
- Các nhà phân tích tại Citi đã nâng dự báo giá dầu Brent trong quý 3 và quý 4 lên lần lượt 35 USD và 45 USD/thùng. Morgan Stanley cũng nâng dự báo giá dầu trong nửa cuối năm nay lên từ 30 tới 35 USD/thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.7% lên 1,717.36 USD/ounce, chạm mức cao nhất kể từ tháng 12/2012. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 0.5% lên 1,761.4 USD/ounce. Các chỉ số chứng khoán của Mỹ giảm, các nhà đầu tư đang chuẩn bị cho lợi nhuận trong quý sụt giảm và dấu hiệu thiệt hại lâu dài từ sự bùng phát của virus corona.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 0.1% xuống 596 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, thép thanh giao tháng 10 đóng cửa tăng 1.7% lên 3,387 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 1.6% lên 3,220 CNY/tấn. Giá thép tại Trung Quốc tăng, với thép thanh dùng trong xây dựng tăng phiên thứ 4 liên tiếp, do hy vọng chính sách tiền tệ thuận lợi sẽ thúc đẩy nhu cầu.
- Các khoản vay mới của Trung Quốc trong tháng 3/2020 tăng mạnh lên 2.85 nghìn CNY (405 tỷ USD) vượt dự báo 1.8 nghìn tỷ CNY, do ngân hàng trung ương bơm thêm thanh khoản và cắt giảm chi phí cấp vốn để hỗ trợ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona. Các khoản vay của hộ gia đình cũng tăng trở lại lên 989.1 tỷ CNY trong tháng trước từ mức giảm ròng trong tháng 2.
- Các nhà máy tại Trung Quốc cũng tăng sản xuất do nhu cầu đang phục hồi. Công suất sử dụng tại các lò luyện sắt ở 247 nhà máy thép tăng lên 78.81% kể từ ngày 10/4.

Giá cao su

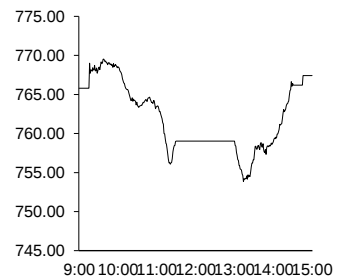
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.2 JPY xuống 151.8 JPY (1.4 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 9 giảm 150 CNY xuống 9,949 CNY/tấn.
- Doanh số bán ô tô tại Trung Quốc giảm 43.3% trong tháng 3/2020 so với tháng 3/2019, do thị trường ô tô lớn nhất thế giới đang vật lộn với nhu cầu sụt giảm.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE giảm 0.26 US cent hay 2.5% xuống 10.17 US cent/lb.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 1.15 US cent hay 1% lên 1.1975 USD/lb, do tiếp tục thiếu hụt nguồn cà phê chất lượng cao trong thị trường cho tới vụ thu hoạch của Brazil và Colombia bắt đầu từ tháng 5.

Hình 1

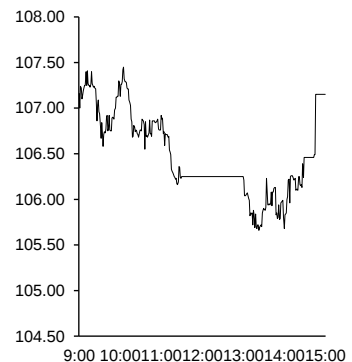
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

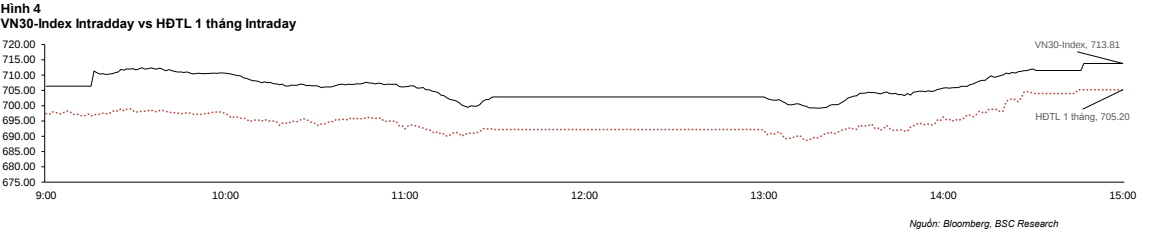
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	5.26%
Hóa chất	3.94%
Tài nguyên Cơ bản	2.22%
Thực phẩm và đồ uống	1.43%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.32%
Bất động sản	0.24%
Dịch vụ tài chính	0.02%
Viễn thông	0.00%
Bảo hiểm	-0.07%
Xây dựng và Vật liệu	-0.18%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.21%
Y tế	-0.27%
Bán lẻ	-0.40%
Ngân hàng	-0.53%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.72%
Truyền thông	-1.15%
Ô tô và phụ tùng	-1.40%
Du lịch và Giải trí	-1.60%
Dầu khí	-1.76%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	705.20	2.25%	-8.61	-7.8%	186,742	4/16/2020	4
VN30F2005	683.00	0.49%	-30.81	121.8%	16,868	5/21/2020	39
VN30F2006	676.00	0.16%	-37.81	125.0%	324	6/18/2020	67
VN30F2009	675.70	0.10%	-38.11	145.9%	182	9/17/2020	158

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 7.44 điểm lên mức 713.81 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, FPT, MSN, HPG, và VRE tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 điều chỉnh giảm trong phiên sáng xuống quanh 700 điểm, trước khi quay đầu tăng mạnh trong phiên chiều lên gần 715 điểm. Thanh khoản vừa phải, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 705-720 điểm trong những phiên tiếp theo. Tuy vậy, cần cân nhắc những biến động mạnh khi gần tới thời điểm đáo hạn của VN30F2004 vào 16/04.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 685 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2004	SSI	5/14/2020	30	1:1	349,040	13.7%	3.0 triệu	38.63%	4,100	400	100.00%	191.80	2.09
CVRE2002	HSC	6/22/2020	69	4:1	421,840	-6.0%	5.0 triệu	37.80%	1,400	180	50.00%	71.60	2.51
CFPT1908	MBS	6/17/2020	64	3:1	76,460	-7.5%	2.4 triệu	30.50%	3,150	590	47.50%	206.80	2.85
CHPG2004	SSI	6/15/2020	62	1:1	61,710	-30.4%	5.0 triệu	32.08%	2,800	600	25.00%	167.20	3.59
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	99	1:1	57,050	-54.6%	1.5 triệu	38.63%	2,200	1,730	15.33%	1,522.30	1.14
CFPT2002	VCSC	7/22/2020	99	2:1	50,750	170.7%	1.0 triệu	30.50%	2,900	500	13.64%	250.30	2.00
CVPB2001	HSC	6/22/2020	69	2:1	247,680	-16.4%	5.0 triệu	38.63%	1,500	1,340	11.67%	1,119.70	1.20
CHPG2002	KIS	12/16/2020	246	2:1	60,300	-44.0%	3.0 triệu	32.08%	1,700	800	9.59%	108.70	7.36
CMSN2001	KIS	12/16/2020	246	5:1	36,760	8.1%	2.0 triệu	31.41%	2,300	2,130	6.50%	1,025.90	2.08
CVRE2001	KIS	9/21/2020	160	4:1	527,840	213.6%	8.0 triệu	37.80%	1,500	420	5.00%	92.10	4.56
CHPG2001	HSC	6/30/2020	77	2:1	238,080	204.3%	5.0 triệu	32.08%	1,800	300	3.45%	92.40	3.25
CVIC2001	KIS	12/16/2020	246	5:1	17,600	193.3%	2.0 triệu	30.91%	2,700	2,430	3.40%	476.00	5.11
CVNM2002	KIS	12/16/2020	246	5:1	49,920	-60.5%	3.0 triệu	27.60%	3,200	1,360	1.49%	182.90	7.44
CSTB2002	KIS	12/16/2020	246	1:1	101,570	-9.2%	3.0 triệu	36.03%	1,700	1,230	0.00%	380.40	3.23
CHDB2001	KIS	6/19/2020	66	2:1	468,140	315.4%	5.0 triệu	33.32%	2,000	120	0.00%	5.20	23.08
CVRE2003	KIS	12/16/2020	246	2:1	18,040	-58.1%	3.0 triệu	37.80%	3,000	1,430	0.00%	331.30	4.32
CSTB2001	KIS	6/19/2020	66	1:1	386,280	35.4%	5.0 triệu	36.03%	1,500	430	-2.27%	97.20	4.42
CHDB2003	KIS	12/16/2020	246	2:1	55,600	-30.5%	2.0 triệu	33.32%	2,700	670	-4.29%	76.00	8.82
CNVL2001	KIS	12/16/2020	246	4:1	69,590	69.7%	2.0 triệu	17.76%	2,300	1,400	-4.76%	73.90	18.94
CMWG2001	HSC	6/22/2020	69	10:1	375,380	-44.5%	5.0 triệu	36.78%	1,700	50	-37.50%	1.90	26.32
Tổng:					3,669,630		70.90 triệu	33.48%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

- Về giá, CVPB2001 và CVPB2003 tăng mạnh lần lượt là 11.67% và 15.33%. Giá trị giao dịch giảm -9.99%. CVPB2001 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.33% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.30	6.77	3.14
FPT	49.50	6.45	2.22
MSN	61.00	4.99	1.85
HPG	19.95	3.10	1.35
VRE	26.20	2.95	0.42

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	112.8	-2.51	-1.03
VCB	69.9	-1.27	-0.36
VIC	95.6	-0.42	-0.25
HDB	20.0	-0.99	-0.18
CTG	19.2	-2.04	-0.18

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2004	28,100	24,000	21,300
CVRE2002	37,600	32,000	26,200
CFPT1908	63,450	54,000	49,500
CHPG2004	26,300	23,500	19,950
CVPB2003	24,200	22,000	21,300
CFPT2002	63,800	58,000	49,500
CVPB2001	23,000	20,000	21,300
CHPG2002	33,399	29,999	19,950
CMSN2001	77,289	65,789	61,000
CVRE2001	42,789	36,789	26,200
CHPG2001	27,600	24,000	19,950
CVIC2001	139,968	126,468	95,600
CVNM2002	157,111	141,111	99,000
CSTB2002	13,588	11,888	9,160
CHDB2001	33,099	29,099	20,000
CVRE2003	43,999	37,999	26,200
CSTB2001	12,499	10,999	9,160
CHDB2003	37,523	32,123	20,000
CNVL2001	75,088	65,888	51,900
CMWG2001	132,000	115,000	74,800

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	74.8	-0.3%	1.1	1,473	3.4	8,655	8.6	2.7	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	57.5	-0.2%	1.3	563	1.8	5,361	10.7	2.8	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	46.2	-0.1%	1.4	1,491	1.1	1,632	28.3	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	-0.3%	0.6	308	1.5	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	95.6	-0.4%	0.8	14,059	2.6	2,310	41.4	4.1	14.3%	11.7%
VRE	Bất động sản	26.2	2.9%	1.1	2,588	3.4	1,226	21.4	2.2	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.9	-0.2%	0.8	2,188	0.9	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	30.5	0.2%	0.9	410	0.8	5,287	5.8	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.0	-1.1%	1.5	202	0.7	2,850	3.1	0.7	41.7%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.2	0.4%	1.4	345	2.2	1,787	7.4	0.7	51.5%	9.9%
VCI	Chứng khoán	17.5	-2.8%	1.0	125	0.2	4,240	4.1	0.7	34.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	15.9	2.6%	1.8	211	1.2	1,421	11.2	1.1	53.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	49.5	6.5%	0.8	1,467	8.5	4,631	10.7	2.4	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	43.5	2.4%	0.4	470	0.0	4,812	9.0	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	67.0	-1.5%	1.5	5,575	3.7	6,092	11.0	2.6	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	39.6	-1.9%	1.5	2,050	1.9	3,495	11.3	2.0	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	12.2	-0.8%	1.7	254	1.9	1,777	6.9	0.5	15.2%	7.1%
BSR	Dầu khí	5.6	-3.4%	0.8	755	0.8	898	6.2	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	87.8	-1.6%	0.6	499	0.1	4,668	18.8	3.4	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	14.3	2.9%	0.6	242	1.3	774	18.4	0.7	17.5%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.5	3.9%	0.6	148	0.3	592	10.9	0.6	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	69.9	-1.3%	1.2	11,272	5.9	5,003	14.0	3.2	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	36.5	-1.7%	1.6	6,383	1.9	2,366	15.4	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.2	-2.0%	1.3	3,108	6.2	2,541	7.6	0.9	29.8%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.3	6.8%	1.2	2,258	7.4	3,379	6.3	1.2	23.3%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.9	1.0%	1.1	1,667	4.8	3,476	4.6	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.0	0.0%	1.0	1,446	2.7	3,694	5.4	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	39.5	-0.3%	0.9	140	0.2	5,165	7.6	1.3	79.4%	17.2%
NTP	Nhựa	29.3	-2.7%	0.3	125	0.0	4,167	7.0	1.1	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-1.3%	0.6	632	0.0	356	41.3	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	20.0	3.1%	1.1	2,395	7.4	2,588	7.7	1.2	36.5%	17.1%
HSG	Thép	6.0	6.9%	1.6	111	2.7	1,161	5.2	0.5	17.6%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.0	-0.1%	0.7	7,495	4.6	5,478	18.1	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	143.4	1.7%	0.8	3,998	0.3	7,477	19.2	4.9	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	61.0	5.0%	1.0	3,100	3.7	4,772	12.8	1.7	36.1%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.2	1.1%	0.7	361	0.9	508	27.9	1.2	5.9%	4.4%
ACV	Vận tải	53.3	-2.0%	0.8	5,045	0.6	2,630	20.3	3.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	112.8	-2.5%	1.1	2,569	1.5	7,889	14.3	3.9	18.7%	28.7%
HAV	Vận tải	23.5	-0.4%	1.7	1,446	2.9	1,640	14.3	1.8	9.5%	12.8%
GMD	Vận tải	16.7	0.0%	0.9	216	0.2	1,602	10.4	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.1	-1.0%	1.0	111	0.8	2,398	3.8	0.6	28.6%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	58.5	2.5%	1.0	407	2.1	8,824	6.6	2.7	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.0	1.3%	0.7	311	0.1	1,453	11.0	1.1	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.1	-0.8%	0.9	201	0.1	1,941	6.2	0.9	6.4%	14.1%
CTD	Xây dựng	53.0	-0.9%	1.2	176	0.4	8,859	6.0	0.5	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.7	0.0%	0.6	474	0.1	1,548	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.6	-0.5%	0.3	200	0.4	760	24.4	0.9	45.9%	3.7%
POW	Điện	9.1	2.8%	0.6	921	3.5	1,028	8.8	0.8	11.9%	9.4%
NT2	Điện	18.4	0.5%	0.6	230	0.4	2,560	7.2	1.3	17.6%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	61.00	4.99	0.97	1.45MLN
VPB	21.30	6.77	0.95	8.11MLN
GVR	10.80	6.40	0.74	957110.00
VHM	68.00	1.04	0.67	642490.00
FPT	49.50	6.45	0.58	4.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.95	1.94MLN	1.11MLN
BID	0.00	-0.75	1.22MLN	607060.00
GAS	0.00	-0.55	1.27MLN	373600.00
VJC	0.00	-0.45	300930.00	192700.00
CTG	0.00	-0.43	7.39MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DRH	4.59	6.99	0.01	1.98MLN
HSL	6.12	6.99	0.00	41430.00
HVH	7.65	6.99	0.00	268810.00
BMI	18.40	6.98	0.03	784090.00
KDC	16.10	6.98	0.08	700080.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TVB	13.30	-6.99	-0.01	199340.00
HRC	39.00	-6.92	-0.03	1130.00
PGI	14.80	-6.92	-0.03	600.00
PTC	5.12	-6.91	0.00	14340.00
HVG	5.40	-6.90	-0.03	214700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNG	12.60	9.57	0.05	2.20MLN
SHN	7.60	5.56	0.05	3500.00
VCS	58.50	2.45	0.05	824300.00
TAR	31.60	9.72	0.05	313300.00
SHS	9.20	2.22	0.03	4.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NET	38.80	-9.77	-0.06	200.00
DNP	16.50	-4.62	-0.05	5600.00
PVS	12.20	-0.81	-0.02	3.63MLN
NTP	29.30	-2.66	-0.02	28500.00
IDJ	15.70	-4.27	-0.02	268800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

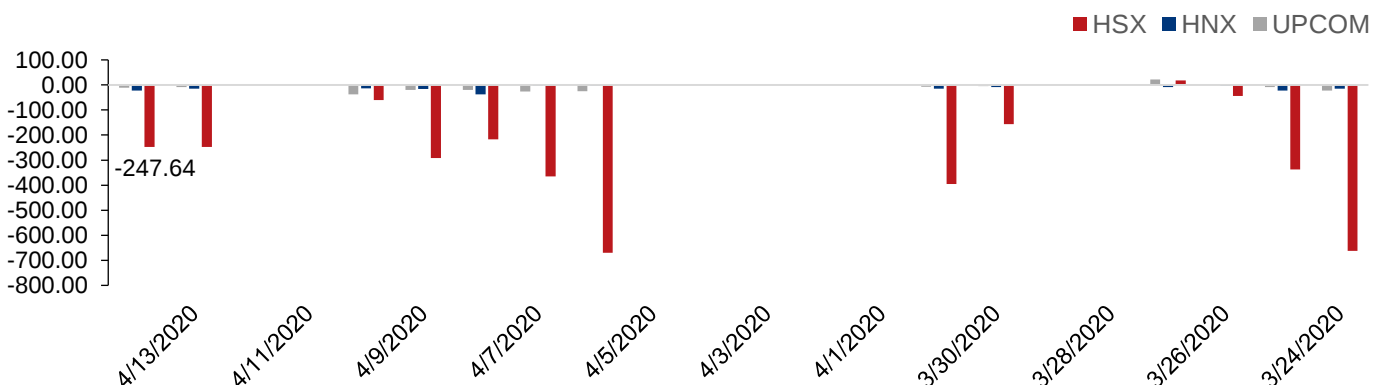
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	33.3	0.00	70700.00
KVC	0.80	14.3	0.01	150500.00
SPI	0.80	14.3	0.00	55800.00
KKC	4.40	10.0	0.00	100.00
MBG	9.90	10.0	0.02	1.22MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.30	-25.00	0.00	234900.00
HKB	0.50	-16.67	0.00	90300.00
VIG	0.60	-14.29	0.00	81300.00
SDT	2.60	-13.33	-0.01	40000.00
MEC	0.90	-10.00	0.00	2000.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.7	1,602	10.4	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.0	3,694	5.4	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.5	1,954	5.9	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	143.4	7,477	19.2	4.9	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.2	1,688	12.0	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.0	5,478	18.1	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.8	2,690	4.0	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	74.8	8,655	8.6	2.7	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	27.3	7,380	3.7	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	49.5	4,631	10.7	2.4	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.1	2,109	8.1	1.2	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	23.3	3,990	5.8	1.1	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	87.8	4,668	18.8	3.4	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.2	4,313	5.6	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	57.5	5,361	10.7	2.8	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.1	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	153.2	14,782	10.4	4.2	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.7	0	21.8	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	74.8	8,655	8.6	2.7	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.0	3,694	5.4	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
PNJ 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fwd = 18.1x, PB fwd = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn